TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2017/DSST.
Ngày: 14/7/2017.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Sáu.
2. Bà Lê Thị Thanh Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp, cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 593/2016/TLST-DS, ngày 14/11/2016, về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 839/2017/QĐST-DS ngày 09/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 962/2017/QĐST - DS ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ: đường N, Phường T, Quận B, Tp.HCM.
Đại diện ủy quyền: Ông Lã Ngọc M– sinh năm 1970
Địa chỉ: khu phố H A, Đông Hưng T, Quận M, Tp.HCM.
(Giấy ủy quyền số: 990/2016/UQ – TTT ngày 01/11/2016).
(C*ó mặt*)
Bị đơn: Bà Phạm Thị T– sinh năm: 1962
Địa chỉ: đường Nguyễn K, Phường B, quận G, Tp.HCM.
(*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S ông Lã Ngọc M trình bày: Ngày 15/11/2010 Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với Bà Phạm Thị T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.008.000 đồng. Trong quá trình từ ngày kích hoạt sử dụng thẻ bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.448.074 đồng. Sau đó, bà T không trả nữa Ngân hàng đã nhắc nhở, làm việc nhiều lần nhưng bà T không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 17/10/2016 bà T còn nợ số tiền gốc là 18.828.133 đồng và tiền lãi quá hạn là 20.165.890 đồng. Tổng cộng là 38.994.023 đồng. Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà T trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu là buộc bà T phải trả số tiền gốc còn lại là 18.828.133 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.630.690 đồng, tạm tính đến ngày 14/7/201. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử, bà T phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Phía bị đơn, bà T đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Bà Phạm Thị T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S vào ngày 15/10/2010, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, do đó có cơ sở xác định giữa bà T và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự như qui định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng". Bà T cư ngụ tại quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Tp.HCM.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đúng theo qui định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc Bà Phạm Thị T trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 18.828.133 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định rằng ngày 15/11/2010, bà T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng). Từ ngày 25/01/2014 bà T cò nợ Ngân hàng số tiền gốc là 18.828.133 đồng, mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Do bà T vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng, đã vi phạm Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn là có cơ sở.

[4] Về tiền lãi: Theo hợp đồng thỏa thuận, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng bà T không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất được tính theo từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 2,15%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 14/7/2017 với số tiền là 25.630.690 đồng, theo bảng kê của Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng bà T không đến tòa để trình bày ý kiến của mình, do đó căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc bà T có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.222.941 đồng, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng khoản 2 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Chính phủ qui định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S.

Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 18.828.133 (mười tám triệu tám trăm hai mươi tám ngàn một trăm ba mươi ba)

đồng, tiền lãi quá hạn là 25.630.690 (hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ngàn sáu trăm chín mươi) đồng. Tổng cộng là 44.458.823 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn tám trăm hai mươi ba) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15/7/2017, bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.222.941 (hai triệu hai trăm hai mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi mốt) đồng bà T chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 974.850 (chín trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0017285 ngày 14/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Tp.HCM.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc ngày niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDTPHCM.
-VKSND q.G;
-CCTHA q.G;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu